

Số: /YHCT-KHTH

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2025

**BẢN CÔNG BỐ**  
**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu**  
**là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên

Số giấy phép hoạt động: 220/SYT-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên  
ngày 20 tháng 9 năm 2024.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Nguyễn Thị Thủy

Điện thoại liên hệ: 0208 3846014 Email: bvyhcttn@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: *Phụ lục 01*
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *Phụ lục 02*
3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Hợp đồng với Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên về hướng dẫn thực hành Hồi sức cấp cứu cho đối tượng Y sĩ y học cổ truyền; Hợp đồng với Bệnh viện A Thái Nguyên về hướng dẫn thực hành Hồi sức cấp cứu cho đối tượng Bác sĩ y học cổ truyền, Điều dưỡng, Kỹ thuật y. (có hợp đồng kèm theo)

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: *Phụ lục 03*

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: *Phụ lục 04*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: Chương trình thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. *hm*

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Bình**

**SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

| <b>STT</b> | <b>Đối tượng thực hành</b>              | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-----------------------------------------|----------------|
| 1          | Bác sĩ y học cổ truyền                  |                |
| 2          | Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng   |                |
| 3          | Điều dưỡng                              |                |
| 4          | Kỹ thuật y (phạm vi xét nghiệm)         |                |
| 5          | Kỹ thuật y (phạm vi phục hồi chức năng) |                |
| 6          | Y sĩ y học cổ truyền                    |                |

**SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Phụ lục 02

**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

| STT | Họ và tên            | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành       |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thủy      | Tiến sĩ bác sĩ      | 000719/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                 | 12                   | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 2   | Nguyễn Phúc Tùng Anh | Bác sĩ CKI          | 007203/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền                                                                                                                                                        | 3                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 3   | Nguyễn Thị Hồng Thúy | Bác sĩ              | 001789/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                 | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 4   | Nguyễn Thị Hà Thu    | Cử nhân             | 001764/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                     | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 5   | Hoàng Trọng Khánh    | Bác sĩ CKI          | 001813/TNG-CCHN              | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; thực hiện kỹ thuật Siêu âm chẩn đoán; Thực hiện khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng                                        | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 6   | Vũ Thị Thanh Loan    | Bác sĩ CKI          | 006884/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                 | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Châm cứu dưỡng sinh |
| 7   | Nguyễn Thị Hương     | Bác sĩ CKI          | 001811/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả Lưu huyết não; Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng                                                 | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa khám bệnh đa khoa   |
| 8   | Lê Thị My            | Cao đẳng            | 001827/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                     | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa khám bệnh đa khoa   |
| 9   | Bùi Thị Hằng         | Cao đẳng            | 001794/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật ghi Điện tâm đồ | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa khám bệnh đa khoa   |

| STT | Họ và tên            | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                              | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|
| 10  | Lê Đình Hùng         | Cử nhân             | 006421/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                               | 6                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Lão           |
| 11  | Phạm Thị Hảo         | Bác sĩ CKI          | 001819/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Răng hàm mặt                                                                                                                                                                   | 12                   | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Lão           |
| 12  | Nguyễn Tuấn Anh      | Bác sĩ              | 006593/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                             | 5                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Lão           |
| 13  | Hoàng Thị Thu Thùy   | Bác sĩ CKI          | 004768/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                             | 9                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Lão           |
| 14  | Trần Tuyết Nhung     | Cao đẳng            | 001829/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện các kỹ thuật Châm cứu                                                | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Lão           |
| 15  | Bàng Thị Canh        | Cao đẳng            | 001784/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện các kỹ thuật Châm cứu                                                | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Lão           |
| 16  | Lê Mạnh Công         | Bác sĩ CKI          | 004803/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                           | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Ngoại phụ     |
| 17  | Nguyễn Thúy Hoài Nhi | Cao đẳng            | 001785/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Mắt; thực hiện các kỹ thuật Châm cứu | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngoại phụ     |
| 18  | Nguyễn Trung Thành   | Bác sĩ CKI          | 001798/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa phục hồi chức năng                                                                                                                                                             | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Ngoại phụ     |

| STT | Họ và tên             | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                                                                        | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành      |
|-----|-----------------------|---------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 19  | Ngô Thị Thu Hiền      | Bác sĩ CKI          | 005722/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                                                       | 7                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Ngoại phụ          |
| 20  | Dương Thị Vân         | Cao đẳng            | 007251/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                                                                         | 3                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngoại phụ          |
| 21  | Lê Văn Thao           | Bác sĩ              | 006885/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                                                       | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 22  | Nguyễn Thị Thanh Thùy | Cao đẳng            | 005020/TNG-CCHN              | Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Hồi sức cấp cứu; thực hiện kỹ thuật Châm cứu | 8                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 23  | La Thị Lan            | Bác sĩ CKI          | 001820/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                       | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 24  | Nguyễn Thị Loan       | Cử nhân             | 001806/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng; thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Tai mũi họng.                                                                       | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 25  | Trương Thị Hoa        | Bác sĩ              | 001765/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                                                       | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 26  | Triệu Thị Loan        | Cao đẳng            | 001822/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Răng hàm mặt                                                                   | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |

| STT | Họ và tên            | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành      |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 27  | Nguyễn Thị Hồng      | Cao đẳng            | 007059/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; | 4                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 28  | Trần Thị Thanh Hương | Cao đẳng            | 005667/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y. | 7                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 29  | Trương Đăng Liên     | Cử nhân             | 000874/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng                                                        | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Ngũ quan - Da liễu |
| 30  | Phan Trường Trang    | Bác sĩ CKI          | 001816/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                               | 12                   | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Nội - Nhi          |
| 31  | Ôn Thúy Hạnh         | Bác sĩ              | 006166/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                               | 6                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Nội - Nhi          |
| 32  | Tô Thị Băng Ngân     | Cao đẳng            | 005953/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y. | 6                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Nội - Nhi          |
| 33  | Hoàng Thế Trường     | Bác sĩ CKI          | 006565/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                               | 5                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Nội - Nhi          |
| 34  | Ngô Thị Bích Hường   | Bác sĩ CKI          | 001810/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Phục hồi chức năng                                                                                                                               | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Nội tổng hợp       |
| 35  | Trần Thị Thúy Thương | Bác sĩ CKI          | 004403/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Xét nghiệm chuyên ngành hóa sinh                                                                                                                             | 9                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Nội tổng hợp       |
| 36  | Dương Thị Hiền       | Bác sĩ              | 006886/TNG-                  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học                                                                                                                                                                         | 4                    | Thực hành KBCB                                                  | Khoa Nội tổng           |

| STT | Họ và tên             | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                                   | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành      |
|-----|-----------------------|---------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|
|     |                       |                     | CCHN                         | cổ truyền                                                                                                                                                                                                                                         |                      | chuyên ngành Y học cổ truyền                                    | hợp                     |
| 37  | Trần Hồng Trang       | Cử nhân             | 003141/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005 của Bộ Nội vụ Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng                                                                                                                 | 11                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Nội tổng hợp       |
| 38  | Hà Danh Tuyên         | Bác sĩ CKI          | 001808/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Tai mũi họng; điều trị bệnh lý về hậu môn, trực tràng                                                                                                                               | 12                   | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Nội tổng hợp       |
| 39  | Hoàng Văn Tân         | Bác sĩ CKI          | 005724/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                  | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Nội tổng hợp       |
| 40  | Hà Thu Huyền          | Cao đẳng            | 001775/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; thực hiện các kỹ thuật Chăm cứu                                                     | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Nội tổng hợp       |
| 41  | Nguyễn Thị Ánh Phương | Cao đẳng            | 006873/TNG-CCHN              | Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; Thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Hồi sức | 4                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Nội tổng hợp       |
| 42  | Trần Hà Linh          | Cao đẳng            | 006479/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y                                     | 5                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Nội tổng hợp       |
| 43  | Trần Thanh Bình       | Bác sĩ CKII         | 001812/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                                | 8                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Phục hồi chức năng |
| 44  | Phạm Thị Hải Yến      | Cử nhân             | 001788/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                                      | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |

| STT | Họ và tên        | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                                                 | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                              | Tên khoa thực hành      |
|-----|------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 45  | Nguyễn Thị Luyến | Cử nhân             | 001795/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                                                    | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |
| 46  | Phan Kim Huệ     | Cao đẳng            | 005106/TNG-CCHN              | Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; thực hiện các kỹ thuật về Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng | 8                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |
| 47  | Vũ Thị Thu       | Cử nhân             | 001796/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                                                    | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |
| 48  | Hoàng Bảo Ngọc   | Bác sĩ              | 001786/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                                                                                                                | 12                   | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền                     | Khoa Phục hồi chức năng |
| 49  | Nguyễn Lý Phúc   | Bác sĩ CKI          | 005105/TNG-CCHN              | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                 | 4                    | Thực hành KBCB chuyên ngành Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng | Khoa Phục hồi chức năng |
| 50  | Hoàng Thị Khuyên | Cao đẳng            | 005490/TNG-CCHN              | Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; Thực hiện chăm sóc điều dưỡng chuyên khoa Hồi sức               | 8                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |
| 51  | Dương Công Thái  | Cử nhân             | 001763/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                                                    | 12                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |
| 52  | Trần Huy Tuyên   | Cao đẳng            | 000382/TNG-CCHN              | Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về X Quang                                                          | 13                   | Thực hành chăm sóc người bệnh                                   | Khoa Phục hồi chức năng |

| STT | Họ và tên        | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                                 | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                         | Tên khoa thực hành      |
|-----|------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 53  | Hoàng Thị Hồng   | Cử nhân             | 001801/TNG-CCHN              | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                           | 12                   | Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng đối với Kỹ thuật y | Khoa Phục hồi chức năng |
| 54  | Tạ Thị Minh Ngọc | Cao đẳng            | 002967/TNG-CCHN              | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                           | 10                   | Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng đối với Kỹ thuật y | Khoa Phục hồi chức năng |
| 55  | Tạ Tuấn Anh      | Cao đẳng            | 005234/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng | 8                    | Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng đối với Kỹ thuật y | Khoa Phục hồi chức năng |
| 56  | Vũ Xuân Huy      | Cao đẳng            | 005492/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y; Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng | 8                    | Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng đối với Kỹ thuật y | Khoa Phục hồi chức năng |
| 57  | Phạm Ngọc Thạch  | Cao đẳng            | 005956/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                                  | 6                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                              | Khoa Phục hồi chức năng |
| 58  | Hoàng Đình Tiến  | Cao đẳng            | 007024/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                                  | 4                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                              | Khoa Phục hồi chức năng |
| 59  | Nguyễn Thị Hằng  | Cao đẳng            | 005050/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                                  | 8                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                              | Khoa Phục hồi chức năng |

| STT | Họ và tên    | Văn bằng chuyên môn | Số GPHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên GPHN                                                                                                                                                                                                                                 | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                                         | Tên khoa thực hành      |
|-----|--------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 60  | Lưu Thị Đào  | Cao đẳng            | 004779/HAG-CCHN              | Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng                                                                                                                           | 6                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                              | Khoa Phục hồi chức năng |
| 61  | La Thị Thảo  | Cao đẳng            | 006047/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.                                                  | 6                    | Thực hành chăm sóc người bệnh                              | Khoa Phục hồi chức năng |
| 62  | Nông Thị Hợp | Cao đẳng            | 006943/TNG-CCHN              | Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                | 4                    | Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng đối với Kỹ thuật y | Khoa Phục hồi chức năng |
| 63  | Ma Thị Chúc  | Cử nhân             | 001805/TNG-CCHN              | Chuyên khoa Xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                          | 3                    | Kỹ thuật y Xét nghiệm                                      | Khoa Xét nghiệm - CDHA  |
| 64  | Hà Thu Diệp  | Cao đẳng            | 006673/TNG-CCHN              | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                        | 5                    | Kỹ thuật y Xét nghiệm                                      | Khoa Xét nghiệm - CDHA  |
| 65  | Tạ Thủy Dung | Cử nhân             | 004531/TNG-CCHN              | Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y. Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm. | 9                    | Kỹ thuật y Xét nghiệm                                      | Khoa Xét nghiệm - CDHA  |

SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN THỰC HÀNH

| STT | Đối tượng thực hành                     | Số lượng người thực hành | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------|---------|
| 1   | Bác sĩ y học cổ truyền                  | 130                      |         |
| 2   | Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng   | 45                       |         |
| 2   | Điều dưỡng                              | 155                      |         |
| 3   | Kỹ thuật y (phạm vi xét nghiệm y học)   | 15                       |         |
| 4   | Kỹ thuật y (phạm vi phục hồi chức năng) | 25                       |         |
| 5   | Y sĩ y học cổ truyền                    | 130                      |         |

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN  
**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

| STT | Đối tượng thực hành                     | Chi phí (đồng) | Ghi chú                                                                            |
|-----|-----------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bác sĩ y học cổ truyền                  | 4.500.000      | Chưa bao gồm chi phí thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện A Thái Nguyên         |
| 2   | Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng   | 4.500.000      |                                                                                    |
| 3   | Điều dưỡng                              | 2.500.000      | Chưa bao gồm chi phí thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện A Thái Nguyên         |
| 4   | Kỹ thuật y (phạm vi xét nghiệm y học)   | 2.500.000      | Chưa bao gồm chi phí thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện A Thái Nguyên         |
| 5   | Kỹ thuật y (phạm vi phục hồi chức năng) | 2.500.000      | Chưa bao gồm chi phí thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện A Thái Nguyên         |
| 6   | Y sĩ y học cổ truyền                    | 3.000.000      | Chưa bao gồm chi phí thực hành Hồi sức cấp cứu tại Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên |

NỘI DUNG THỰC HÀNH

(kèm theo bản công bố số: /YHCT-KHTH ngày tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành)

| TT | Đối tượng thực hành                   | Nội dung thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hành                                                                                            |           |                                      |                         |           |
|----|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------|-------------------------|-----------|
|    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Y học cổ truyền                                                                                                | Khoa Dược | Khoa Xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh | Khoa Phục hồi chức năng | Khoa HSCC |
| 1  | Bác sĩ y học cổ truyền                | Khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định các phương pháp cận lâm sàng, thực hiện các phương pháp khám bệnh, chữa bệnh, chuyên môn kỹ thuật, kê đơn thuốc, chỉ định các chế độ chăm sóc, chế độ dinh dưỡng, đánh giá kết quả khám bệnh, chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT) | 07 tháng (thực hành tại 1 trong các khoa: Lão; Nội nhi; CCDS; Ngoại phụ; PHCN; Ngũ quan đa liễu; Nội tổng hợp) | 02 tháng  |                                      |                         | 03 tháng  |
| 2  | Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng | Khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định các phương pháp cận lâm sàng, thực hiện các phương pháp khám bệnh, chữa bệnh, chuyên môn kỹ thuật, kê đơn thuốc, chỉ định các chế độ chăm sóc, chế độ dinh dưỡng, đánh giá kết quả khám bệnh, chữa                                                                                                                                                       |                                                                                                                |           |                                      | 09 tháng                |           |

| TT | Đối tượng thực hành | Nội dung thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hành                                                                                             |           |                                      |                         |           |
|----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------|-------------------------|-----------|
|    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Y học cổ truyền                                                                                                 | Khoa Dược | Khoa Xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh | Khoa Phục hồi chức năng | Khoa HSCC |
|    |                     | bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phần XV- Phụ lục số IX ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT)                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |           |                                      |                         |           |
| 3  | Y sĩ YHCT           | Khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định các phương pháp cận lâm sàng, thực hiện các phương pháp khám bệnh, chữa bệnh, chuyên môn kỹ thuật, kê đơn thuốc, chỉ định các chế độ chăm sóc, chế độ dinh dưỡng, đánh giá kết quả khám bệnh, chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số XI ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT) | 5,5 tháng (thực hành tại 1 trong các khoa: Lão; Nội nhi; CCDS; Ngoại phụ; PHCN; Ngũ quan đa liễu; Nội tổng hợp) | 1,5 tháng |                                      |                         | 3 tháng   |
| 4  | Điều dưỡng          | Thực hiện, chỉ định các chế độ chăm sóc, chế độ dinh dưỡng, đánh giá kết chăm sóc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số XII ban                                                                                                                                                                                      | 05 tháng (thực hành tại 1 trong các khoa: Lão; Nội nhi; CCDS; Ngoại phụ; PHCN; Ngũ quan đa                      |           |                                      |                         | 01 tháng  |

| TT | Đối tượng thực hành             | Nội dung thực hành                                                                                                                                                                                                                                           | Thời gian thực hành |           |                                      |                         |           |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------|-------------------------|-----------|
|    |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                              | Y học cổ truyền     | Khoa Dược | Khoa Xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh | Khoa Phục hồi chức năng | Khoa HSCC |
|    |                                 | hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT)                                                                                                                                                                                                                              | liều; Nội tổng hợp) |           |                                      |                         |           |
| 5  | Kỹ thuật y (phục hồi chức năng) | Thực hiện các phương pháp khám bệnh, chữa bệnh, chuyên môn kỹ thuật, đánh giá kết quả, chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại phần III- Phụ lục số XIV ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT) |                     |           |                                      | 05 tháng                | 01 tháng  |
| 6  | Kỹ thuật Y (xét nghiệm)         | Thực hiện các phương pháp cận lâm sàng, chỉ định các chế độ chăm sóc, đánh giá kết tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh (Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại phần II- Phụ lục số XIV ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT)                 |                     |           | 05 tháng                             |                         | 01 tháng  |